## ĐỀ CƯƠNG

## BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024 VÀ ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH NĂM 2025 THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1 DỰ ÁN 3 THUỘC CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Kèm theo Công văn số /BNN- KTHT ngày tháng năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

## A. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2024

## I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

## Kết quả xây dựng, ban hành, trình ban hành các cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 theo thẩm quyền của địa phương, cơ quan; đánh giá việc áp dụng các quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội.

II. KẾT QUẢ PHÂN BỔ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Tình hình phân bổ, sử dụng vốn ngân sách trung ương; vốn đối ứng của ngân sách địa phương (trong đó bao gồm cả việc chấp hành quy định về bố trí vốn đối ứng); huy động khác. Riêng các địa phương tự cân đối ngân sách, đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách địa phương .

1. Ngân sách trung ương: kết quả phân bổ, kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm.

2. Ngân sách địa phương: kết quả phân bổ, kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm.

3. Huy động khác: kết quả phân bổ, kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng, ước thực hiện cả năm.

**III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 108/2023/QH15, Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội.

2. Kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan trong thực hiện.

**IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ**

Đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của Chương trình được quy định tại khoản 1, 2 Mục I ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

1. Mục tiêu chung.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể.

**V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1 DỰ ÁN 3** **HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

Tổng số mô hình hoặc dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó: Dự án trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, khai thác ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản và diêm nghiệp; quy mô hình hoặc dự án giảm nghèo phát triển sản xuất, với mỗi mô hình hoặc dự án giảm nghèo ghi rõ đối tượng hưởng lợi theo tổng số: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong đó: hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo), có gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu; dự kiến số hộ thoát nghèo năm 2024, tỷ lệ hoàn thành.

**VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG** (mặt được, hạn chế và nguyên nhân)

**B. KẾ HOẠCH NĂM 2025 THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3**

**I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2025** *(Phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, thách thức trong thực hiện mục tiêu TDA 1 Dự án 3).*

**II. MỤC TIÊU:**

a) Mục tiêu tổng quát

b) Mục tiêu cụ thể

c) Kết quả chủ yếu cần đạt

## III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN TDA1 DA3 HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

**1. Đối tượng thụ hưởng:**

a) Các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

b) Các tỉnh chưa tự cân đối ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam.

**2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn:**

Số liệu đầu vào để phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo các tiêu chí quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**3. Nội dung hoạt động, kết quả đầu ra::**

- Tổng số mô hình hoặc dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó: Dự án trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, khai thác ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản và diêm nghiệp.

- Trong từng mô hình hoặc dự án ghi rõ tổng số đối tượng hưởng lợi, trong đó: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; kinh phí từng mô hình hoặc dự án.

- Dự kiến số hộ thoát nghèo, tỷ lệ hoàn thành.

**4. Nguồn vốn:**

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: tỷ đồng.

- Ngân sách địa phương: tỷ đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác: tỷ đồng (ghi rõ nguồn huy động).

## IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU (C*ơ chế đặc thù và các giải pháp chủ yếu thực hiện)*

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**